

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (Logistics & TMDT) - MH1104232

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24311MH110423201 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 28/5/25 Giờ thi: 10:00 Phòng thi: A17

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu	An	09/10/2005	C26LG1	<i>An</i>	5.0	Năm không	
2	2410150015	Nguyễn Nhật	An	18/10/2006	C26LG1	<i>An</i>	5.5	Năm năm	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc	Bảo	14/05/2006	C26LG1	<i>Bao</i>	8.0	Tam không	
4	2410150016	Lê Trần Gia	Bảo	14/08/2006	C26LG1	<i>Bao</i>	6.5	Sau năm	L2
5	2410150014	Nguyễn Ngọc	Diệu	22/10/2006	C26LG1	<i>Di</i>	5.0	Năm không	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	20/10/2004	C26LG1	<i>Mu</i>	8.0	Tam không	
7	2410150004	Nguyễn	Đạt	29/7/2006	C26LG1	<i>Đ</i>	9.0	Chín không	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng	Gia	09/01/2005	C26LG1	<i>Gia</i>	9.0	Chín không	
9	2410150022	Trần Gia	Hân	26/08/2006	C26LG1	<i>H</i>	7.0	Bảy không	
10	2410150030	Nguyễn Thanh	Khiêm	14/10/2006	C26LG1	<i>K</i>	5.0	Năm không	
11	2410150021	Lê Bá Đăng	Khoa	18/12/2006	C26LG1	<i>Khoa</i>	7.5	Bảy năm	
12	2410150023	Phạm Anh	Khôi	23/10/2006	C26LG1	<i>K</i>	5.0	Năm không	
13	2410150013	Võ Thị Kiều	Lam	20/11/2006	C26LG1	<i>L</i>	5.0	Năm không	
14	2410150011	Phạm Thị Yến	Nhi	22/09/2006	C26LG1	<i>N</i>	5.0	Năm không	
15	2410150020	Lê Hữu	Nhật	19/10/2005	C26LG1	<i>Nh</i>	5.0	Năm không	L2
16	2410150024	Nguyễn Minh	Tấn	02/05/2006	C26LG1	<i>T</i>	7.5	Bảy năm	
17	2410150018	Nguyễn Ngọc	Thảo	27/10/2006	C26LG1	<i>T</i>	6.0	Sáu không	
18	2410150009	Phạm Thị Thạch	Thảo	31/10/2006	C26LG1	<i>T</i>	5.5	Năm năm	
19	2410010013	Ngô Thiên	Thuận	10/11/2006	C26LG1	<i>T</i>	5.0	Năm không	
20	2410150002	Lê Anh	Thư	19/01/2003	C26LG1	<i>T</i>	9.0	Chín không	
21	2410150019	Nguyễn Hữu	Trí	30/07/2006	C26LG1				L2
22	2410150029	Trần Thị Thanh	Trúc	22/07/2005	C26LG1	<i>T</i>	8.5	Tam năm	
23	2410150010	Nguyễn Đăng	Trường	12/10/2003	C26LG1	<i>T</i>	8.0	Tam không	
24	2410150025	Ông Thị Mỹ	Tú	25/10/2006	C26LG1	<i>T</i>	6.5	Sáu năm	
25	2410150006	Nguyễn Hồ Phương	Uyên	23/04/2006	C26LG1	<i>U</i>	5.0	Năm không	
26	2410150017	Phạm Ngọc Đan	Vy	23/08/2006	C26LG1	<i>V</i>	8.5	Tam năm	

- Lưu ý:**
- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 26 vắng thi: 01. Số bài thi: 25 / 26.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025

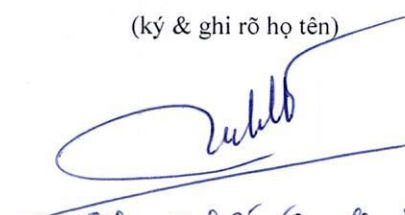
TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa


Chu Thị Gi Hong

TRƯỜNG
LTH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (Logistics & TMDT) - MH1104232

Mã lớp học phần: 24311MH110423201 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 25/6/25 Giờ thi: 10:00 Phòng thi: A17

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005	C26LG1		5.5	Năm năm	
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	C26LG1		6.5	Sáu năm	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	C26LG1		5.0	Năm không	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	C26LG1		6.5	Sáu năm	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	C26LG1		6.5	Sáu năm	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	C26LG1		7.0	Bảy năm	
7	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006	C26LG1		6.5	Sáu năm	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	C26LG1		7.0	Bảy không	
9	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	C26LG1		6.0	Sáu không	
10	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	C26LG1		6.5	Sáu năm	
11	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	C26LG1		5.5	Năm năm	
12	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	C26LG1		5.0	Năm không	
13	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	C26LG1		6.5	Sáu năm	
14	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	C26LG1		6.0	Sáu không	
15	2410150020	Lê Hữu Nhật	19/10/2005	C26LG1		5.0	Năm không	
16	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	C26LG1		6.5	Sáu năm	
17	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	C26LG1		6.0	Sáu không	
18	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	C26LG1		7.0	Bảy không	
19	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	C26LG1		6.0	Sáu không	
20	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	C26LG1		6.5	Sáu năm	
21	2410150019	Nguyễn Hữu Trí	30/07/2006	C26LG1				
22	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	C26LG1		7.5	Bảy năm	
23	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003	C26LG1		6.0	Sáu không	
24	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	C26LG1		6.0	Sáu không	
25	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	C26LG1		6.0	Sáu không	
26	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	C26LG1		5.0	Năm không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 01 . Số bài thi: 25 / 26 .

Ngày 26 tháng 6 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

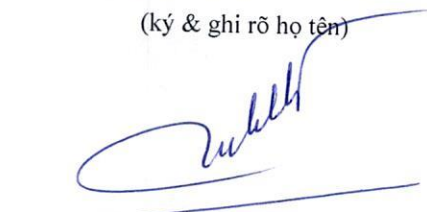
(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

Ngày 25 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Chu Chí Lê Hoàng

TRÚC

KH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (Logistics & TMĐT) - MH1104232

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24311MH110423201 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 28/5/25 Giờ thi: 10:00 Phòng thi: A1.7

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		5.0	Năm không	
2	2410150049	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	29/11/2006	C26LG2				L2
3	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng	18/02/2003	C26LG2		10	Mười chẵn	
4	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	C26LG2		5.0	Năm không	
5	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006	C26LG2		5.0	Năm không	
6	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	C26LG2		5.5	Năm năm	
7	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	C26LG2		6.0	Sáu không	
8	2410150046	Nguyễn Lộc Anh Khoa	13/03/2001	C26LG2				
9	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	C26LG2		5.0	Năm không	
10	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006	C26LG2		5.0	Năm không	
11	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	C26LG2		6.0	Sáu không	
12	2410150050	Phan Yến Nhi	20/12/2005	C26LG2				
13	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006	C26LG2		9.0	Chín không	
14	2410150042	Nguyễn Thanh Phong	27/12/2006	C26LG2				L2
15	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	C26LG2		6.0	Sáu không	
16	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005	C26LG2		6.5	Sáu năm	
17	2410150053	Lâm Bảo Trọng	15/05/2006	C26LG2		8.0	Tám không	
18	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	C26LG2		6.0	Sáu không	
19	2410150048	Nguyễn Ngọc Tuấn	26/12/2006	C26LG2				L2
20	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	C26LG2		7.0	Bảy không	
21	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	C26LG2		7.5	Bảy năm	
22	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	C26LG2		8.0	Tám không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 22 vắng thi: 05 Số bài thi: 17 / 22

Ngày 25 tháng 5 năm 2025

Ngày 28 tháng 5 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Chu Thế Lê Hoàng

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (Logistics & TMĐT) - MH1104232

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24311MH110423201 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 25/6/25 Giờ thi: 10:00 Phòng thi: A1.7

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		6.5	Sáu năm	
2	2410150049	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	29/11/2006	C26LG2				L2
3	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003	C26LG2		5.0	Năm không	
4	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	C26LG2		6.5	Sáu năm	
5	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006	C26LG2		5.0	Năm không	
6	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	C26LG2		5.0	Năm không	
7	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	C26LG2		5.0	Năm không	
8	2410150046	Nguyễn Lộc Anh Khoa	13/03/2001	C26LG2				
9	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	C26LG2		5.0	Năm không	
10	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006	C26LG2		5.0	Năm không	
11	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	C26LG2		6.0	Sáu không	
12	2410150050	Phan Yến Nhi	20/12/2005	C26LG2				
13	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006	C26LG2		5.0	Năm không	
14	2410150042	Nguyễn Thanh Phong	27/12/2006	C26LG2				L2
15	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	C26LG2		7.0	Bảy không	
16	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005	C26LG2		6.0	Sáu không	
17	2410150053	Lâm Bảo Trọng	15/05/2006	C26LG2		5.0	Năm không	
18	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	C26LG2		5.5	Năm năm	
19	2410150048	Nguyễn Ngọc Tuấn	26/12/2006	C26LG2				L2
20	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	C26LG2		6.5	Sáu năm	
21	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	C26LG2		6.5	Sáu năm	
22	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	C26LG2		7.5	Bảy năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 22 vắng thi: 05 . Số bài thi: 17 / 22 .

Ngày 26 tháng 6 năm 2025 .

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 25 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (Logistics & TMDT) - MH1104232

Giám thị 1: Trương Thị Ngọc Thu

Ký tên:

Mã lớp học phần: 24311MH110423201 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Trần Văn Long

Ký tên:

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 25/07/2025 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150020	Lê Hữu Nhật	19/10/2005					C26LG1	
2	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhật	30/08/2006					C26LG2	
3	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006					C26LG1	
4	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006					C26LG2	
5	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005					C26LG2	
6	2410150053	Lâm Bảo Trọng	15/05/2006					C26LG2	
7	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006					C26LG2	
8	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005					C26LG1	
9	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003					C26LG1	
10	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006					C26LG1	
11	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006					C26LG1	
12	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006					C26LG2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 12 / _____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 25 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hòa

Ngày 26 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 3 - Năm học 2024-2025

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành (Logistics & TMĐT)

Mã bài thi: 0H1WLC

Thời gian thi: 25/07/2025 15:15:00

Thời gian kết thúc: 25/07/2025 16:15:00

Giám thị 1: Trương Thị Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: Trần Văn Long Ký tên: Long

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150020	Lê Hữu Nhật	19/10/2005		4.8	Bốn, tám	C26LG1	<u>Chú</u>
2	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhật	30/08/2006		6.4	Sáu, bốn	C26LG2	<u>C</u>
3	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006		4.4	Bốn, bốn	C26LG2	<u>Th</u>
4	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006		3.6	Ba, sáu	C26LG1	<u>Th</u>
5	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005		4.4	Bốn, bốn	C26LG2	<u>Th</u>
6	2410150053	Lâm Bảo Trọng	15/05/2006		5.4	Năm, bốn	C26LG2	<u>Th</u>
7	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006		6.6	Sáu, sáu	C26LG2	<u>Th</u>
8	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005		6	Sáu	C26LG1	<u>Th</u>
9	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003		4.4	Bốn, bốn	C26LG1	<u>Th</u>
10	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006		3.4	Ba, bốn	C26LG1	<u>Th</u>
11	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006		5.2	Năm, hai	C26LG1	<u>Th</u>
12	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006		7.8	Bảy, tám	C26LG2	<u>Th</u>

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 12

Số sinh viên đạt: 10

Ngày 27 tháng 7 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 26 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Như Lê Hoàng

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (Logistics & TMĐT) - MH1104232

Giám thị 1: Nguyễn Văn Trinh

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 24311MH110423201 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Phan Thành Tường

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 25/07/2025

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu	An	09/10/2005					C26LG1	
2	2410150015	Nguyễn Nhật	An	18/10/2006					C26LG1	
3	2410150041	Nguyễn Duyên	Anh	28/05/2006					C26LG2	
4	2410150026	Hoàng Lâm Quốc	Bảo	14/05/2006					C26LG1	
5	2410150016	Lê Trần Gia	Bảo	14/08/2006					C26LG1	
6	2410150014	Nguyễn Ngọc	Diệu	22/10/2006					C26LG1	
7	2410010007	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	20/10/2004					C26LG1	
8	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng	Dương	18/02/2003					C26LG2	
9	2410150004	Nguyễn	Đạt	29/7/2006					C26LG1	
10	2410150028	Lê Trần Hoàng	Gia	09/01/2005					C26LG1	
11	2410150031	Thị Cẩm	Giang	04/11/2006					C26LG2	
12	2410150022	Trần Gia	Hân	26/08/2006					C26LG1	
13	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức	Hòa	24/05/2006					C26LG2	
14	2410100011	Phan Văn	Khải	21/10/2005					C26LG2	
15	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc	Khánh	10/09/2006					C26LG2	
16	2410150030	Nguyễn Thanh	Khiêm	14/10/2006					C26LG1	
17	2410150021	Lê Bá Đăng	Khoa	18/12/2006					C26LG1	
18	2410150023	Phạm Anh	Khôi	23/10/2006					C26LG1	
19	2410150013	Võ Thị Kiều	Lam	20/11/2006					C26LG1	
20	2410150039	Trần Hoàng Bảo	Luân	18/06/2006					C26LG2	
21	2410150038	Nguyễn Thành	Luông	06/03/2006					C26LG2	
22	2410150036	Võ Thị Như	Ngọc	10/06/2006					C26LG2	
23	2410150011	Phạm Thị Yến	Nhi	22/09/2006					C26LG1	
24	2410150024	Nguyễn Minh	Tân	02/05/2006					C26LG1	
25	2410150009	Phạm Thị Thạch	Thảo	31/10/2006					C26LG1	
26	2410010013	Ngô Thiên	Thuận	10/11/2006					C26LG1	
27	2410150002	Lê Anh	Thư	19/01/2003					C26LG1	
28	2410150025	Ông Thị Mỹ	Tú	25/10/2006					C26LG1	
29	2410170040	Nguyễn Khánh	Vi	18/12/2004					C26LG2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
30	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006					C26LG2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 30 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 30 / .

Số sinh viên đạt: Tỷ lệ đạt: %

Ngày 27 tháng 7 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 26 tháng 7 năm 2025

GIAO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Chí Lê Hoàng



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 3 - Năm học 2024-2025

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành (Logistics & TMĐT)

Mã bài thi: NZJ440

Thời gian thi: 25/07/2025 15:15:00

Thời gian kết thúc: 25/07/2025 16:15:00

Giám thị 1: Phạm Thị Túy Ký tên: Phạm Thị Túy

Giám thị 2: Ngô Văn Trích Ký tên: Ngô Văn Trích

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005	<u>AN</u>	4.6	Bốn, sáu	C26LG1	
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	<u>AN</u>	5.6	Năm, sáu	C26LG1	
3	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	<u>AN</u>	5	Năm	C26LG2	
4	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	<u>Bao</u>	5.2	Năm, hai	C26LG1	
5	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	<u>Bao</u>	6.2	Sáu, hai	C26LG1	
6	2410150004	Nguyễn Đạt	29/07/2006	<u>DAT</u>	7.4	Bảy, bốn	C26LG1	
7	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	<u>DIU</u>	5.6	Năm, sáu	C26LG1	
8	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003	<u>DU</u>	8.6	Tám, sáu	C26LG2	
9	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	<u>DIU</u>	8.8	Tám, tám	C26LG1	
10	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	<u>GIA</u>	6.8	Sáu, tám	C26LG1	
11	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	<u>GIANG</u>	7.8	Bảy, tám	C26LG2	
12	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	<u>HAN</u>	6.2	Sáu, hai	C26LG1	
13	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006	<u>Hoa</u>	5.8	Năm, tám	C26LG2	
14	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	<u>Khai</u>	4.8	Bốn, tám	C26LG2	
15	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	<u>KHANH</u>	6.8	Sáu, tám	C26LG2	
16	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	<u>KHIEM</u>	4.8	Bốn, tám	C26LG1	
17	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	<u>KHOA</u>	8	Tám	C26LG1	
18	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	<u>KHOI</u>	7.4	Bảy, bốn	C26LG1	
19	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	<u>LAM</u>	7.2	Bảy, hai	C26LG1	
20	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	<u>LUAN</u>	6	Sáu	C26LG2	
21	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006	<u>LUONG</u>	6.8	Sáu, tám	C26LG2	
22	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	<u>NGOC</u>	5.4	Năm, bốn	C26LG2	
23	2410150011	Phạm Thị Yên Nhi	22/09/2006	<u>NHI</u>	5.2	Năm, hai	C26LG1	
24	2410150024	Nguyễn Minh Tân	02/05/2006	<u>TAN</u>	8.2	Tám, hai	C26LG1	
25	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	<u>THAO</u>	7.2	Bảy, hai	C26LG1	
26	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	<u>THU</u>	7.6	Bảy, sáu	C26LG1	
27	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	<u>THUAN</u>	7.4	Bảy, bốn	C26LG1	
28	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	<u>TU</u>	6	Sáu	C26LG1	
29	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	<u>VI</u>	8	Tám	C26LG2	
30	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	<u>VI</u>	8.4	Tám, bốn	C26LG2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 30

Số sinh viên đạt: 30

Ngày 27 tháng 7 năm 2025
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hoa

Ngày 26 tháng 7 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thị Lê Hoàng